

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2025/LĐ-ST
Ngày: 31-3-2025.
V/v tranh chấp về hợp đồng lao động
và bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Minh Tùng – Chủ tịch công đoàn Trường THPT thành phố Bến Cát.
- Bà Trần Thị Ngọc Hạnh – Thư ký Ban Giám đốc Xí nghiệp phát triển Mỹ Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 93/2024/TLST-LĐ ngày 25/11/2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH C1; địa chỉ trụ sở: Lô E, Khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông S, Ching W – chức vụ: Phó Giám đốc Hành chính. Là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N – chức vụ: Phó Giám đốc. Là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C trình bày:***

Ông Nguyễn Hùng C và ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 là anh em chú bác họ với nhau. Từ tháng 01/2008, ông Nguyễn Hùng C làm việc tại Công ty TNHH Đ, địa chỉ trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương có ký kết hợp đồng lao động và công ty tham gia đóng bảo hiểm cho ông Nguyễn Hùng C theo quy định.

Vào tháng 10/2008, ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 có mượn hồ sơ xin việc làm cùng chứng minh nhân dân mang tên ông Nguyễn Hùng C để ông P đi làm tại Công ty TNHH C1, địa chỉ trụ sở Công ty: Lô E- E19, Khu công nghiệp V, phường A, thành Phố B, tỉnh Bình Dương. Sau khi ông P đi làm tại Công ty TNHH C1 thì được Công ty ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho ông P nhưng theo danh nghĩa là đóng bảo hiểm cho ông Nguyễn Hùng C. Ông P làm việc tại Công ty TNHH C1 từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2010 có sổ sổ bảo hiểm xã hội 7408282570 sau đó nghỉ, và đến tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 có sổ sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084. Đến tháng 02/2011, ông P nghỉ làm tại Công ty TNHH C1 và trả lại hồ sơ xin việc cho ông C.

Sau đó, đến tháng 01/2012 thì ông Nguyễn Hùng C nghỉ làm tại Công ty TNHH G và có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội thì phát hiện việc đóng trùng bảo hiểm xã hội nên Công ty có hướng dẫn ông Nguyễn Hùng C đến Bảo hiểm xã hội thành phố B để làm thủ tục huỷ bảo hiểm xã hội bị trùng giữa ông Nguyễn Hùng C và ông Nguyễn Văn P. Sau khi ông Nguyễn Hùng C liên hệ đến Bảo hiểm xã hội thành phố B thì được sự hướng dẫn ông Nguyễn Hùng C đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát để làm hồ sơ huỷ khoảng thời gian ông Nguyễn Hùng C cho ông P mượn sổ thì mới làm hồ sơ rút bảo hiểm xã hội được. Do vậy, ông Nguyễn Hùng C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát giải quyết các vấn đề sau:

1. Ông Nguyễn Hùng C yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1;
2. Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C.
3. Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Hùng C yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1;

2. Ông Nguyễn Hùng C rút lại các yêu cầu: “Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C”.

*** Bị đơn Công ty TNHH C1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông S, Chỉnh W trình bày:**

- Về quan hệ lao động giữa Công ty TNHH C1 (Việt Nam) và ông Nguyễn Hùng C: Ông Nguyễn Hùng C trên thực tế có làm việc tại Công ty và ký hai lần Hợp đồng lao động như sau: Lần 1: Từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2010, số thẻ IC-239, tổ may. Trong khoảng thời gian này, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông C theo sổ sổ BHXH 7408282570. Lần 2: Từ tháng 09/2010 đến tháng 03/2011, số thẻ IC-305, tổ may (IB). Trong khoảng thời gian này, Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông C theo sổ sổ bảo hiểm xã hội 7410270584. Sau hợp đồng lao động lần 02, hai bên không còn bất cứ quan hệ gì đến thời điểm hiện tại.

- Về tài liệu, chứng cứ chứng minh: Vì thời gian diễn ra sự việc quá lâu nên Công ty không còn lưu giữ các hồ sơ, tài liệu chứng minh quan hệ lao động giữa ông C và Công ty như: Hồ sơ xin việc, bảng chấm công, bảng lương. Công ty chỉ còn lưu trữ Danh sách nộp bảo hiểm xã hội hàng tháng trong các khoảng thời gian đó.

- Quan điểm của Công ty TNHH C1 (Việt Nam): Công ty khẳng định không biết việc mượn hồ sơ xin việc giữa ông Nguyễn Hùng C và ông Nguyễn Văn P. Khi ông C làm việc tại Công ty, Công ty đã tuân thủ đúng quy định pháp luật lao động hiện hành, đó là giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông C. Trong vụ án này, Công ty không có lỗi và không vi phạm pháp luật. Ngược lại, ông Nguyễn Văn P (người thực tế làm việc tại Công ty) đã có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng lao động với Công ty.

- Yêu cầu của Công ty TNHH C1 (Việt Nam) về vụ án:

Thứ nhất, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát áp dụng các quy định của Bộ luật lao động 1994 (sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007) và Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1 (Việt Nam) vô hiệu do một bên có hành vi lừa dối khi giao kết:

Thứ hai, căn cứ vào việc ông Nguyễn Văn P có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng lao động và Công ty đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật trong mối quan hệ lao động với ông P; căn cứ các nguyên tắc cơ bản và Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 (Việt Nam) số tiền mà Công ty đã đóng BHXH cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ

tháng 10/2008 đến tháng 03/2010 theo sổ sổ BHXH 7408282570 và từ tháng 09/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ sổ BHXH 7410270584. Công ty chỉ yêu cầu lấy lại phần tiền thuộc về nghĩa vụ đóng BHXH của Công ty, phần tiền thuộc về nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động, Công ty không có ý kiến.

Do đó, Công ty có yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau: Yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố B hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 số tiền mà Công ty TNHH C1 đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410270584 là 5.092.986 đồng (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương và người đại diện hợp pháp trình bày:**

Công ty TNHH C1 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C, sinh ngày 21/5/1988, số chứng minh: 351736801, quá trình như sau:

Số sổ BHXH	Từ tháng	Đến tháng	Chức danh công việc	Mức lương	Phụ cấp
7408282570	10/2008	12/2008	Công nhân viên	963.000	0
	01/2009	12/2009	Công nhân viên	1.155.600	0
	01/2010	03/2010	Công nhân viên	1.273.300	0
7410275084	09/2010	12/2010	Công nhân	1.273.300	0
	01/2011	02/2011	Công nhân	1.444.500	0

Quá trình trên ông Nguyễn Hùng C đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh B chốt sổ và chưa hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:** Các đương sự đều vắng mặt.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1 của nguyên đơn là có căn cứ. Việc ông C rút lại các yêu cầu: “Hủy kết quả quá trình

đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số G1 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C” là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Đối với yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố B hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 số tiền mà Công ty TNHH C1 đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410270584 là 5.092.986 đồng (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) của Công ty TNHH C1 thì không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hùng C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký giữa ông C với Công ty TNHH C1 là vô hiệu và yêu cầu hủy kết quả đóng bảo hiểm xã hội. Công ty TNHH C1 có trụ sở tại: Phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Về việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ông C có yêu cầu là: “Ông Nguyễn Hùng C yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C”. Tuy nhiên, ngày 31/12/2024, ông C đã nộp đơn xin rút lại yêu cầu: “Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C”. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện

của ông C, không trái với quy định pháp luật do đó Toà án không xem xét giải quyết, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Căn cứ theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Như vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu giảm nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: “Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C”.

[2] Về nội dung:

Theo Công văn số 731/CV-BHXXH ngày 08/11/2024 và Công văn số 31/CV-BHXXH ngày 21/01/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương xác định ông Nguyễn Hùng C, sinh ngày 21/5/1988, số CMND: 351736801, số CCCD: 089088023569 có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C1 như sau: Mã số 7408282570 tham gia từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2010. Mã số 7410275084 tham gia từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011. Đã chốt sổ bảo hiểm xã hội và chưa hưởng chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần và bảo hiểm thất nghiệp. Theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410167143 của ông Nguyễn Hùng C thì trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến nay, ông Nguyễn Hùng C làm việc tại nhiều Công ty khác nhau nhưng không có làm việc tại Công ty TNHH C1.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P đều thừa nhận giữa Công ty TNHH C1 và người lao động tên Nguyễn Hùng C (tên thật là Nguyễn Văn P) có ký kết hợp đồng lao động trong thời gian từ 10/2008 đến tháng 03/2010 và từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011.

Phía Công ty TNHH C1 xác định không biết người lao động tên thật là Nguyễn Văn P lại sử dụng giấy tờ tùy thân của người khác là Nguyễn Hùng C để ký hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng lao động với người lao động vào tháng 02/2011. Trong quá trình tố tụng, Công ty TNHH C1 cho rằng, ông Nguyễn Văn P (người thực tế làm việc tại Công ty) đã có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng lao động với Công ty nên Công ty T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1 vô hiệu. Tuy nhiên, Công ty TNHH C1 có yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B như sau: Yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố B hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 số tiền mà Công ty TNHH C1 đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410270584 là 5.092.986 đồng (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đưa ra yêu cầu độc lập hay phản tố nào đối với các đương sự khác trong vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo

hiểm xã hội thành phố B cũng không có ý kiến, yêu cầu nào với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu của Công ty TNHH C1.

Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định đối tượng lao động và ký kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH C1 từ tháng 10/2008 đến tháng 03/2010 và từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 không phải ông Nguyễn Hùng C mà là ông Nguyễn Văn P. Vì cùng một khoảng thời gian một người không thể tham gia bảo hiểm tại hai Công ty khác nhau. Xét, việc ông C cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của mình để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc trung thực khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động. Do đó, việc ông Nguyễn Hùng C yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động dưới tên Nguyễn Hùng C với Công ty TNHH C1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là Công ty TNHH C1 thống nhất yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nhưng có yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố B hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 số tiền mà Công ty TNHH C1 đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410270584 là 5.092.986 đồng (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Xét, việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về trách nhiệm của người lao động và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về trách nhiệm của người sử dụng lao động. Công ty TNHH C1 và ông Nguyễn Văn P xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 thì thực tế ông P có làm việc tại Công ty TNHH C1 dưới tên của ông Nguyễn Hùng C. Ông P được Công ty TNHH C1 trả lương và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Căn cứ theo Điều 11 Nghị định 145/2020/NĐ-CP thì trong trường hợp này mặc dù hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1 vô hiệu do người thực tế làm việc là ông Nguyễn Văn P nhưng thực tế ông P có làm việc tại Công ty nên Công ty vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động theo quy định pháp luật. Ông P là người thực tế làm việc tại Công ty nhưng ông P thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đưa ra yêu cầu độc lập hay phản tố nào đối với các đương sự khác trong vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hoàn trả số tiền bảo hiểm của Công ty TNHH C1.

Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ Cơ quan

Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị đơn chịu án phí đối với yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 17; Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15; Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 4; Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đối với bị đơn Công ty TNHH C1 về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập dưới tên ông Nguyễn Hùng C và Công ty TNHH C1 trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 là vô hiệu.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Hùng C theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đối với bị đơn Công ty TNHH C1 về yêu cầu: “Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C; Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7410275084 đã cấp cho ông Nguyễn Hùng C”.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn Công ty TNHH C1 với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B về việc: “Yêu cầu Bảo hiểm xã hội thành phố B hoàn trả lại cho Công ty TNHH C1 số tiền mà Công ty TNHH C1 đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Hùng C trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 3/2010 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408282570 và từ tháng 9/2010 đến tháng 3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410270584 là 5.092.986 đồng (năm triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng)”.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hùng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH C1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ hết số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000097 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc